

Bảng dữ liệu kỹ thuật **Rev.1**

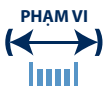


Thép cắt nóng cường độ cao RW 118 / RW 122 / RW 70

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



PHẠM VI
0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



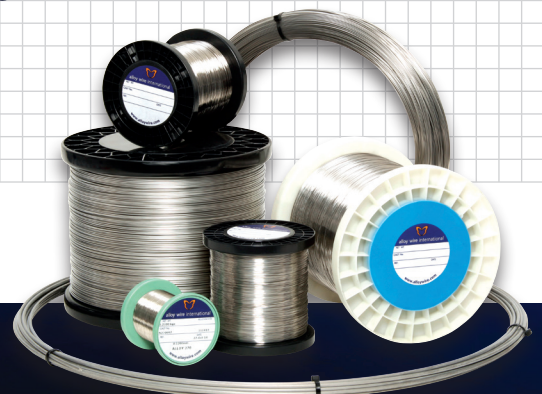
Hỗ trợ kỹ thuật

RW 118 / RW 122 / RW 70 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



Sản xuất sản phẩm chất lượng, mang đến sự tin cậy | alloywire.vn

Bảng dữ liệu kỹ thuật Rev.1

Thép cắt nóng cường độ cao RW 118 / RW 122 / RW 70



RW 118 Thuộc tính		
Khối lượng riêng	8.18g/cm ³	0.296 lb/in ³
Điện trở suất ở 20°C	118 microhm • cm	710 ohm. Circ. mil/ft
Nhiệt độ vận hành tối đa	300 °C	572 °F
Điểm nóng chảy	1370 °C	2500 °F
Hệ số giãn nở	12.7 µm/m °C (20 – 100°C)	7.1 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)

RW 122 Thuộc tính		
Khối lượng riêng	8.28g/cm ³	0.299 lb/in ³
Điện trở suất ở 20°C	122 microhm • cm	734 ohm. Circ. mil/ft
Nhiệt độ vận hành tối đa	300 °C	572 °F
Điểm nóng chảy	1430 °C	2600 °F
Hệ số giãn nở	12.6 µm/m °C (20 – 100°C)	7 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)

RW 70 Thuộc tính		
Khối lượng riêng	8.00g/cm ³	0.289 lb/in ³
Điện trở suất ở 20°C	70 microhm • cm	421 ohm. Circ. mil/ft
Nhiệt độ vận hành tối đa	300 °C	572 °F
Điểm nóng chảy	1375 °C	2500 °F
Hệ số giãn nở	17.6 µm/m °C (20 – 100°C)	9.8 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)

